

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp các trường mầm non,
phổ thông công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 221-KL/TW ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 45/2026/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 130/KH-BCĐDTKNQ18 ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026 –2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Kế hoạch số 1186/KH-BGDDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập;

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;

Căn cứ Thông báo số 109-TB/ĐU ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy về công tác tổ chức cán bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4353/TTr-SGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp các trường mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- TT Thành ủy (báo cáo);
- TT HĐND thành phố (báo cáo);
- UBND thành phố: CT, các PCT;
- VP UBND thành phố: CVP, các Phó CVP;
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Mạnh

KẾ HOẠCH

Sắp xếp các trường mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức sắp xếp theo hướng tinh gọn, đồng bộ, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và điều kiện thực tiễn của từng địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà trường; tinh gọn đầu mối quản lý, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo hướng “*giảm biên chế quản lý, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy*”, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, ngân sách và các nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

- Mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, bảo đảm quyền học tập của trẻ em, học sinh; từng bước hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô phù hợp, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và các chiến lược phát triển giáo dục.

- Tạo cơ sở để tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng trường học có quy mô lớn, hiện đại; nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất, cơ sở vật chất và tài sản công, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035.

2. Yêu cầu

- Việc sắp xếp phải được triển khai đồng bộ, khách quan, công khai, minh bạch; bảo đảm đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.

- Bảo đảm quyền học tập của trẻ em, học sinh; không làm gián đoạn hoạt động dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục, kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ trên địa bàn.

- Việc sắp xếp được thực hiện trên cơ sở rà soát, đánh giá một cách toàn diện và phải gắn với cơ cấu lại đội ngũ, bố trí hợp lý cơ sở vật chất, sử dụng hiệu quả tài sản công và nguồn lực đầu tư; đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động theo quy định.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Quan điểm chỉ đạo

- Việc sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục phải bám sát chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật, định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phù hợp với quy

hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng của thành phố; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Tinh gọn đầu mối gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà trường; lấy người học làm trung tâm.

- Không làm ảnh hưởng đến quyền học tập của trẻ em, học sinh, không làm gián đoạn hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bền vững và thực hiện mục tiêu giảm 50% đầu mối cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

2. Nguyên tắc sắp xếp

- Không sáp nhập trường mầm non với trường phổ thông; không sáp nhập trường phổ thông với trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc cơ sở giáo dục có chức năng khác; không sắp xếp các cơ sở giáo dục chuyên biệt với các trường phổ thông đại trà. Ưu tiên sắp xếp các trường cùng cấp học hoặc trường phổ thông nhiều cấp học có vị trí địa lý gần nhau, bảo đảm thuận lợi trong quản trị, tổ chức dạy học và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất.

- Bảo đảm mỗi xã, phường có ít nhất một trường mầm non, một trường tiểu học và một trường trung học cơ sở hoặc một cơ sở giáo dục có nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở) phù hợp với nhu cầu học tập của địa phương; duy trì hoặc tổ chức lại các điểm trường phải căn cứ điều kiện địa lý, giao thông, quy mô học sinh và đặc thù từng vùng, không làm ảnh hưởng đến việc huy động trẻ em, học sinh đến trường.

- Việc sắp xếp phải gắn với phương án bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, tài sản công và quỹ đất; đồng thời xây dựng lộ trình đầu tư phát triển các trường học quy mô lớn, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

- Bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; tăng cường công tác tuyên truyền, đối thoại, tạo sự đồng thuận của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, cha mẹ học sinh và nhân dân; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Phương án sắp xếp

Sắp xếp, cơ cấu lại các trường học thực hiện một trong hai mô hình sau:

- **Mô hình 1** - Trường một cấp học quy mô lớn có các điểm trường: Cấu trúc gồm 01 trường chính có các điểm trường. Cơ cấu nhân sự gồm 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, 01 bộ phận hành chính - nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi điểm trường có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để bảo đảm chất lượng giáo dục.

- **Mô hình 2** - Trường phổ thông nhiều cấp học quy mô lớn: Được thực hiện tại 1 địa điểm hoặc các địa điểm khác nhau; cấu trúc gồm 01 trường chính, có các điểm trường với nhiều cấp học. Cơ cấu nhân sự gồm 01 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng,

bộ phận hành chính – nhân sự (kế toán, thủ quỹ, văn thư) dùng chung; các nhân sự hỗ trợ giáo dục theo chuyên môn đặc thù; các tổ chuyên môn được tổ chức phù hợp với cấp học, điểm trường để nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn và tổ chức dạy học. Tùy theo tình hình thực tế về cấp học, quy mô lớp, học sinh, khoảng cách địa lý đến trường chính, bố trí mỗi điểm trường có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trong tổng số định mức biên chế được giao để đảm bảo chất lượng giáo dục.

Các mô hình sắp xếp cơ bản đảm bảo vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tham gia học tập tại các điểm trường, chỉ thực hiện việc sắp xếp bố trí lại đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên dôi dư và việc điều tiết, bố trí khoa học, hợp lý đội ngũ giáo viên dạy tại các điểm trường.

4. Lộ trình sắp xếp

Trên cơ sở chỉ đạo của Trung ương, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định hiện hành của pháp luật và tình hình thực tiễn quy mô trường, lớp của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện sắp xếp các trường mầm non, phổ thông trực thuộc như sau:

- Tổng số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trực thuộc xã, phường trên toàn thành phố hiện có 502 đơn vị, trong đó có 02 trường đặc thù không thực hiện sắp xếp, gồm: Trường THCS-DTNT Nam Đông thuộc xã Khe Tre và Trường THCS-DTNT A Lưới thuộc xã A Lưới 2.

- Tổng số trường phải rà soát sắp xếp là 500 trường và sau sắp xếp còn 254 trường, giảm 246 trường, tỷ lệ giảm 49.2% (*đính kèm phụ lục phương án sắp xếp các trường mầm non, phổ thông theo xã, phường*).

- Giao trách nhiệm Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan xây dựng Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục trực thuộc theo thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Hoàn thành Đề án **trước ngày 10/8/2026**.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường gửi báo cáo kết quả sắp xếp về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 14/8/2026**.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kết quả sắp xếp toàn thành phố, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; hoàn thành **trước ngày 25/8/2026**.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy và phương án quản trị trường học để các cơ sở giáo dục vận hành ngay từ đầu năm học 2026-2027.

Ghi chú: Đối với các xã A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4 và A Lưới 5: Việc thành lập các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp thực hiện theo Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị và phương án đã được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông còn lại thực hiện sắp xếp bảo đảm hoàn thành theo lộ trình của Kế hoạch này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực; chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương hoàn thành xây dựng Đề án sắp xếp trường học theo đúng tiến độ của Kế hoạch này. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố những những khó khăn, vướng mắc phát sinh, những nội dung vượt thẩm quyền hoặc đột xuất trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và thực hiện các phương án bố trí trụ sở, xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất các nhà trường, điều tiết đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của các nhà trường theo quy định của pháp luật; tránh tình trạng thừa, thiếu về cơ cấu.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động chuyên môn của các nhà trường, nhất là các trường học thuộc diện sắp xếp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo quá trình thực hiện sắp xếp theo quy định.

2. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tiêu chí lựa chọn, sắp xếp cán bộ quản lý sau sắp xếp; hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với viên chức, nhân viên, người lao động chịu tác động của việc sắp xếp, việc bảo lưu phụ cấp lãnh đạo quản lý cơ sở giáo dục; hướng dẫn việc chỉnh lý, quản lý, bàn giao hồ sơ, tài liệu lưu trữ khi sắp xếp cơ sở giáo dục; hoàn thành, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố **trước ngày 05/8/2026**.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, bố trí biên chế theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Ủy ban nhân dân các xã, phường về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện Đề án sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2027–2030, định hướng đến năm 2035, bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu, nguyên tắc theo quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí ngân sách, ưu tiên quỹ đất và sử dụng trụ sở dôi dư để đầu tư mở rộng, xây mới các trường mầm non, trung học phổ thông theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị; đồng thời tham mưu phương án quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công dôi dư theo đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn việc quản lý, điều chuyển, bàn giao, xử lý tài sản công, cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục thực hiện sắp xếp, sáp nhập theo quy định. Chủ trì hướng dẫn các đơn vị xử lý việc chuyển tiếp quản lý dự án đầu tư công trong quá trình sắp xếp (nếu có).

- Phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện mua sắm trang thiết bị, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục theo quy định; tham mưu cân đối ngân sách địa phương để thực hiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giáo dục do Trung ương và Hội đồng nhân dân thành phố ban hành.

4. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chuyên môn, bảo đảm việc sắp xếp tổ chức bộ máy không làm gián đoạn công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm tại các trường học.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các thủ tục về đất đai, xây dựng và các thủ tục có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện.

6. Công an thành phố

Hướng dẫn rà soát, tổ chức khắc con dấu mới và thu hồi con dấu cũ của các cơ sở giáo dục có thực hiện sắp xếp theo quy định.

7. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong chỉ đạo, hướng dẫn, bảo đảm hạ tầng, an sinh, an ninh trật tự; đồng thời làm tốt công tác thông tin, truyền thông, tạo sự đồng thuận của Nhân dân về chủ trương sắp xếp các cơ sở giáo dục.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tiễn của địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, quan điểm, nội dung và lộ trình thực hiện; tạo sự thống nhất trong nhận thức về việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả quản trị và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Chủ động cung cấp thông tin, hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc; tăng cường đối thoại với cơ sở giáo dục, đội ngũ nhà giáo, cha mẹ học sinh trong quá trình triển khai. Kịp thời nắm bắt dư luận xã hội, xử lý thông tin chưa chính xác, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

- Rà soát, phê duyệt danh mục vị trí việc làm sau sắp xếp tổ chức bộ máy; xây dựng kế hoạch, lộ trình tinh giản biên chế hằng năm đối với các trường hợp dôi dư bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và các quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan trong việc thực hiện việc sắp xếp trụ sở, đầu tư cơ sở vật chất.

- Phối hợp với Sở Nội vụ bố trí và giải quyết các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc tổ chức rà soát, chuẩn hóa và hoàn thiện

hồ sơ, học bạ, sổ sách chuyên môn, hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên; dữ liệu trên các cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành Giáo dục và các phần mềm quản lý có liên quan; thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, tài sản và các điều kiện bảo đảm hoạt động của cơ sở giáo dục sau sắp xếp theo đúng quy định, bảo đảm đầy đủ, chính xác, liên tục và an toàn thông tin.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng phương án chuyển tiếp, bảo đảm hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động khác diễn ra bình thường trong quá trình sắp xếp; huy động các nguồn lực của địa phương để đầu tư bổ sung các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,... cho các trường được sắp xếp, đảm bảo hoạt động hiệu quả, chất lượng.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án sắp xếp; đánh giá tác động sau sắp xếp, kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục bảo đảm an ninh, an toàn trường học, ổn định tổ chức và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho năm học 2026–2027. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và các cơ sở giáo dục rà soát, cập nhật biến động dân cư, nhu cầu học tập; tiếp tục hoàn thiện phương án sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trực thuộc giai đoạn 2027-2030, định hướng đến năm 2035 đúng mục đích, yêu cầu và nguyên tắc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.

9. Các cơ sở giáo dục

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ em, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng dân cư để tạo sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện.

- Lập báo cáo tự đánh giá về quy mô lớp học, đội ngũ, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục và cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan quản lý.

- Duy trì và bảo đảm chất lượng giáo dục, xây dựng phương án hỗ trợ để không gián đoạn hoạt động giáo dục của trẻ em, học sinh.

- Thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất, nhân sự,... khi sắp xếp theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Huế. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo kết quả, tiến độ đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, quyết định./.

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng cộng		502	499	12722	7080	231052		256	7574	
1	Phường Thuận Hóa	19	26	635	455	17193		12	481	
	Cấp mầm non	8	26	635	81	2532		4	107	
1	Trường MN Hoa Mai	1	6	150	18	570	Giữ nguyên	1	24	
2	Trường MN I	1	6	145	14	472	Sáp nhập Trường MN I và Trường MN Phú Hội thành trường MN mới	1	31	
3	Trường MN Phú Hội	1	3	75	8	240				
4	Trường MN Vĩnh Ninh	1	4	95	11	340	Sáp nhập Trường MN Vĩnh Ninh, Trường MN 8/3 và Trường MN Phường Đức thành trường MN mới	1	31	
5	Trường MN 8/3	1	2	45	5	140				
6	Trường MN Phường Đức	1	1	25	8	245				
7	Trường MN Phước Vĩnh	1	2	50	9	280	Sáp nhập Trường MN Trường An và Trường MN Phước Vĩnh thành trường MN mới	1	21	
8	Trường MN Trường An	1	2	50	8	245				
	Cấp tiểu học	7	0	0	255	9342		5	225	
1	Trường TH Lê Lợi	1			40	1431	Giữ nguyên	1	40	
2	Trường TH Lý Thường Kiệt	1			39	1462	Giữ nguyên	1	39	
3	Trường TH Vĩnh Ninh	1			39	1421	Giữ nguyên	1	39	
4	Trường TH Quang Trung	1			38	1469	Giữ nguyên	1	38	
5	Trường TH Phước Vĩnh	1			31	1035	Sáp nhập Trường TH Phước Vĩnh và Trường An thành trường Tiểu học mới	1	69	
6	Trường TH Trường An	1			38	1469				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Trường TH Phường Đức	1			30	1055	Sáp nhập với Trường THCS Tôn Thất Tùng			
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	119	5319		3	149	
1	Trường THCS Tôn Thất Tùng	1			17	665	Sáp nhập với Trường TH Phường Đức thành trường TH&THCS mới	1	47	
2	Trường THCS Hùng Vương	1			33	1515	Sáp nhập Trường THCS Hùng Vương và Trường THCS Trần Phú thành trường THCS mới	1	54	
3	Trường THCS Trần Phú	1			21	880				
4	Trường THCS Nguyễn Chí Diểu	1			48	2259	Giữ nguyên	1	48	
2	Phường Phú Xuân	31	21	510	549	19572		16	570	
	Cấp mầm non	10	21	510	90	2740		5	111	
1	Trường MN II	1	2	50	14	420	Sáp nhập thành Trường MN Thuận Lộc	1	28	
2	Trường MN Thuận Lộc	1	2	50	10	310				
3	Trường MN Phú Bình	1	2	50	7	225	Sáp nhập thành Trường MN Phú Bình	1	18	
4	Trường MN Phú Thuận	1	2	50	7	200				
5	Trường MN Phú Cát	1	2	50	10	315	Sáp nhập thành Trường MN Phú Cát	1	21	
6	Trường MN Phú Hòa	1	2	45	7	205				
7	Trường MN Phú Hậu	1	2	45	6	180	Sáp nhập thành Trường MN Phú Hậu	1	16	
8	Trường MN Phú Hiệp	1	2	50	6	180				
9	Trường MN Tây Lộc	1	2	50	14	425	Sáp nhập thành Trường MN Tây Lộc	1	28	
10	Trường MN Thuận Hòa	1	3	70	9	280				
	Cấp tiểu học	12	0	0	275	9152		6	275	
1	Trường TH Ngô Kha	1			20	585	Sáp nhập thành Trường TH Ngô Kha	1	45	
2	Trường TH Phú Cát	1			25	914				
3	Trường TH Tây Lộc	1			20	677	Sáp nhập thành Trường TH Nguyễn Trãi	1	54	
4	Trường TH Phú Thuận	1			14	377				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Trường TH Nguyễn Trãi	1			20	720				
6	Trường TH Phú Bình	1			20	603	Sáp nhập thành Trường TH Phú Bình	1	36	
7	Trường TH Phú Hậu	1			16	472				
8	Trường TH Phú Hòa	1			20	654	Sáp nhập thành Trường TH Trần Quốc Toàn	1	49	
9	Trường TH Trần Quốc Toàn	1			29	1011				
10	Trường TH Thuận Hòa	1			33	1236	Giữ nguyên	1	33	
11	Trường TH Thuận Lộc	1			30	972	Sáp nhập thành Trường TH Thuận Lộc	1	58	
12	Trường TH Thuận Thành	1			28	931				
	Cấp trung học cơ sở	9	0	0	184	7680		5	184	
1	Trường THCS Hàm Nghi	1			16	616	Sáp nhập thành Trường THCS Hàm Nghi	1	34	
2	Trường THCS Phan Sào Nam	1			18	773				
3	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	1			11	413	Sáp nhập thành Trường THCS Nguyễn Du	1	29	
4	Trường THCS Nguyễn Du	1			18	756				
5	Trường THCS Tổ Hữu	1			24	1068	Sáp nhập thành Trường THCS Thống Nhất	1	56	
6	Trường THCS Thống Nhất	1			32	1335				
7	Trường THCS Lý Tự Trọng	1			12	417	Sáp nhập thành Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	28	
8	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1			16	602				
9	Trường THCS Trần Cao Vân	1			37	1700	Giữ nguyên	1	37	
3	Phường Phong Điền	15	22	460	187	5734		7	209	
	Cấp mầm non	7	22	460	47	1188		3	69	
1	Trường MN Phong Mỹ I	1	3	55	6	163	Sáp nhập thành Trường MN Phong Mỹ	1	17	
2	Trường MN Phong Mỹ II	1	2	35	6	142				
3	Trường MN Phong Xuân I	1	3	75	7	148				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Trường MN Phong Xuân II	1	2	40	3	79	Sáp nhập thành Trường MN Phong Xuân	1	15	
5	Trường MN Hoa Sen	1	4	90	8	220	Sáp nhập thành Trường MN Phong Điền	1	37	
6	Trường MN Hoa Hướng Dương	1	4	90	9	269				
7	Trường MN Phong Thu	1	4	75	8	167				
	Cấp tiểu học	4	0	0	71	2134		2	81	
1	Trường TH Tân Mỹ	1			10	241	Sáp nhập thành Trường TH Xuân Mỹ	1	38	
2	Trường TH Hoà Mỹ	1			13	394				
3	Trường TH Phong Xuân	1			15	416				
4	Trường TH Trần Quốc Toàn	1			33	1083	Tiếp nhận cấp Tiểu học Trường TH&THCS Lê Văn Miến	1	43	
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	69	2412		2	59	
1	Trường THCS Phong Mỹ	1			15	493	Sáp nhập thành Trường THCS Xuân Mỹ	1	24	
2	Trường THCS Phong Xuân	1			9	354				
3	Trường THCS Nguyễn Duy	1			28	1082	Tiếp nhận khối THCS của Trường TH&THCS Lê Văn Miến	1	35	
4	Trường TH&THCS Lê Văn Miến	1	0	0	17	483	Giải thể sau khi chuyển cấp TH và THCS vào các trường khác			
	- Cấp TH				10	275	Chuyển cấp TH vào Trường TH Trần Quốc Toàn			
	- Cấp THCS				7	208	Chuyển cấp THCS vào Trường THCS Nguyễn Duy			
4	Phường Phong Thái	16	18	367	197	5654		8	215	
	Cấp mầm non	6	18	367	50	1203		3	68	
1	Trường MN Phong An 1	1	3	65	10	265	Sáp nhập thành Trường MN Phong An	1	24	
2	Trường MN Phong An 2	1	3	65	8	260				
3	Trường MN Phong Hiền I	1	5	102	10	256	Sáp nhập thành Trường MN Phong Hiền	1	27	
4	Trường MN Phong Hiền II	1	3	60	9	137				
5	Trường MN Phong Sơn I	1	1	25	6	133				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Trường MN Phong Sơn II	1	3	50	7	152	Sáp nhập thành Trường MN Phong Sơn	1	17	
	Cấp tiểu học	7	0	0	93	2604		3	93	
1	Trường TH Phò Ninh	1			15	437	Sáp nhập thành Trường TH Phong An	1	40	
2	Trường TH Điền An	1			15	510				
3	Trường TH Hương Lâm	1			10	278				
4	Trường TH Tây Bắc Hiền	1			15	474	Sáp nhập thành Trường TH Phong Hiền	1	25	
5	Trường TH Đông Hiền	1			10	220				
6	Trường TH Tây Bắc Sơn	1			13	328	Sáp nhập thành Trường TH Phong Sơn	1	28	
7	Trường TH Đông Nam Sơn	1			15	357				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	54	1847		2	54	
1	Trường THCS Phong An	1			20	732	Sáp nhập Trường THCS Phong An và Trường THCS Đặng Văn Hòa thành trường THCS mới	1	35	
3	Trường THCS Đặng Văn Hòa	1			15	456				
2	Trường THCS Phong Hiền	1			19	659	Giữ nguyên	1	19	
5	Phường Phong Dinh	13	16	277	141	3861		6	157	
	Cấp mầm non	6	16	277	31	763		3	47	
1	Trường MN Phong Hòa I	1	3	45	6	127	Hợp nhất thành Trường MN Phong Hòa	1	15	
2	Trường MN Phong Hòa II	1	2	44	4	100				
3	Trường MN Phong Bình I	1	3	41	6	127	Hợp nhất thành Trường mầm non Phong Bình	1	14	
4	Trường MN Phong Bình II	1	2	35	3	92				
5	Trường MN Phong Chương I	1	4	75	8	202	Hợp nhất thành Trường mầm non Phong Chương	1	18	
6	Trường MN Phong Chương II	1	2	37	4	115				
	Cấp tiểu học	4	0	0	69	1677		0	0	
1	Trường TH Phong Hoà 1	1			13	290	Sáp nhập vào Trường THCS Phong Hòa thành Trường TH&THCS Phong Hòa			
2	Trường TH Phong Hòa 2	1			10	212				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Trường TH Phong Bình	1			22	550	Sáp nhập vào Trường THCS Phong Bình thành Trường TH&THCS Phong Bình			
4	Trường TH Phong Chương	1	0	0	24	625	Sáp nhập vào Trường THCS Nguyễn Tri Phương Thành Trường TH&THCS Nguyễn Tri Phương			
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	41	1421		3	110	
	Trường THCS Phong Hòa	1			13	441	Sáp nhập với Trường TH Phong Hòa 1 và Trường TH Phong Hòa 2 thành Trường TH&THCS Phong Hòa	1	36	
	Trường THCS Phong Bình	1			13	461	Sáp nhập với Trường TH Phong Bình thành Trường TH&THCS Phong Bình	1	35	
	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	1	0	0	15	519	Sáp nhập với Trường TH Phong Chương thành Trường TH&THCS Nguyễn Tri Phương	1	39	
6	Phường Phong Phú	9	9	165	106	2853		4	96	
	Cấp mầm non	4	9	165	21	485		2	30	
1	Trường MN Điện Hương	1	2	34	5	97	Sáp nhập thành Trường MN Phong Thạnh	1	12	
2	Trường MN Điện Môn	1	2	26	3	70				
3	Trường MN Điện Lộc	1	3	65	7	163	Sáp nhập thành Trường MN Phong Phú	1	18	
4	Trường MN Điện Hòa	1	2	40	6	155				
	Cấp tiểu học	2	0	0	25	632		1	41	
1	Trường TH Điện Lộc	1			15	412	Sáp nhập hai trường và tiếp nhận cấp TH của Trường TH&THCS Điện Hòa và Trường TH&THCS Nguyễn Lộ Trạch và đổi tên thành Trường TH Phong Phú	1	41	
2	Trường TH Điện Hương	1			10	220				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	60	1736		1	25	
1	Trường THCS Điện Lộc	1			9	286	Tiếp nhận cấp THCS của Trường TH&THCS Điện Hòa và Trường TH&THCS Nguyễn Lộ Trạch thành Trường THCS Phong Phú	1	25	
2	Trường TH&THCS Điện Hòa	1	0	0	19	501				
	- Cấp TH				11	298				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Cấp THCS				8	203	Giải thể 02 trường, sau khi chuyển cấp TH và cấp THCS sang trường TH và trường THCS mới sau sắp xếp			
3	Trường TH&THCS Nguyễn Lộ Trạch	1	0	0	13	448				
	- Cấp TH				5	166				
	- Cấp THCS				8	282				
7	Phường Phong Quảng	12	10	195	121	3428		6	131	
	Cấp mầm non	4	10	195	30	710		2	40	
1	Trường MN Điền Hải	1	2	40	7	178	Sáp nhập thành Trường MN số 01 Phong Quảng	1	19	
2	Trường MN Phong Hải	1	2	45	8	185				
3	Trường MN Quảng Ngạn	1	3	60	9	182	Sáp nhập thành Trường MN số 02 Phong Quảng	1	21	
4	Trường MN Quảng công	1	3	50	6	165				
	Cấp tiểu học	4	0	0	55	1530		2	55	
1	Trường TH Điền Hải	1			12	348	Sáp nhập thành Trường TH số 01 Phong Quảng	1	27	
2	Trường TH Phong Hải	1			15	394				
3	Trường TH Quảng Ngạn	1			14	394	Sáp nhập thành Trường TH số 02 Phong Quảng	1	28	
4	Trường TH Quảng Công	1			14	394				
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	36	1188		2	36	
1	Trường THCS Điền Hải	1			9	285	Sáp nhập thành Trường THCS số 01 Phong Quảng	1	17	
2	Trường THCS Phong Hải	1			8	275				
3	Trường THCS Phạm Quang Ái	1			9	303	Sáp nhập thành Trường THCS số 02 Phong Quảng	1	19	
4	Trường THCS Phan Thế Phương	1			10	325				
8	Phường Hương Trà	12	15	341	152	5121		6	167	
	Cấp mầm non	4	15	341	35	984		2	50	
1	Trường MN Sơn Ca	1	3	84	6	150				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trường MN Tứ Hạ	1	4	80	8	190	Sáp nhập hai trường và cơ sở 1 Trường MN Hương Văn thành Trường MN Sơn Ca	1	29	
3	Trường MN Hương Văn	1	5	107	12	374				
4	Trường MN Hương Vân	1	3	70	9	270	Tiếp nhận cơ sở 2 Trường MN Hương Văn và đổi tên thành Trường MN Hòa Mi	1	21	
	Cấp tiểu học	5	0	0	71	2283		2	52	
1	Trường TH số 1 Tứ Hạ	1			10	309	Sáp nhập thành Trường TH Hà Thế Hạnh	1	26	
2	Trường TH số 2 Tứ Hạ	1			16	558				
3	Trường TH số 1 Hương Văn	1			15	479	Sáp nhập thành Trường TH Hồ Văn Tứ	1	26	
4	Trường TH số 2 Hương Văn	1			11	360				
5	Trường TH Hương Vân	1			19	577	Sáp nhập vào Trường THCS Nguyễn Khoa Đăng			
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	46	1854		2	65	
1	Trường THCS Nguyễn Khoa Đăng	1			12	446	Sáp nhập với Trường TH Hương Vân thành Trường TH&THCS Nguyễn Khoa Đăng	1	34	
2	Trường THCS Hà Thế Hạnh	1			17	709				
3	Trường THCS Hồ Văn Tứ	1			17	699				
9	Phường Kim Trà	13	20	465	179	5754		6	199	
	Cấp mầm non	3	20	465	41	1213		2	61	
1	Trường MN Hương Toàn	1	6	155	16	472	Tiếp nhận điểm trường Thanh Tiên của Trường MN Hương Xuân để thành lập Trường MN Kim Trà 1	1	35	
2	Trường MN Hương Chữ	1	7	165	13	439	Tiếp nhận điểm trường Tây Xuân của Trường MN Hương Xuân để thành lập Trường MN Kim Trà 2	1	26	
3	Trường MN Hương Xuân	1	7	145	12	302	Chuyển các điểm trường cho Trường MN Hương Toàn và Hương Chữ và giải thể			
	Cấp tiểu học	7	0	0	84	2487		3	84	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường TH số 1 Hương Toàn	1			9	209	Sáp nhập thành Trường TH Hương Toàn	1	34	
2	Trường TH số 2 Hương Toàn	1			15	535				
3	Trường TH số 3 Hương Toàn	1			10	212				
4	Trường TH số 1 Hương Chữ	1			15	489	Sáp nhập thành Trường TH Hương Chữ	1	25	
5	Trường TH số 2 Hương Chữ	1			10	315				
6	Trường TH số 1 Hương Xuân	1			10	236	Sáp nhập thành Trường TH Hương Xuân	1	25	
7	Trường TH số 2 Hương Xuân	1			15	491				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	54	2054		1	54	
1	Trường THCS Nguyễn Xuân Thương	1			22	840	Sáp nhập thành Trường THCS Kim Trà	1	54	
2	Trường THCS Lê Quang Tiến	1			18	698				
3	Trường THCS Nguyễn Khánh Toàn	1			14	516				
10	Phường Kim Long	15	12	275	220	7439		9	232	
	Cấp mầm non	5	12	275	41	1220		3	53	
1	Trường MN Kim Long	1	2	50	7	200	Sáp nhập thành Trường MN Kim Long	1	18	
2	Trường MN Vạn Xuân	1	3	70	6	180				
3	Trường MN Hương Long	1	2	45	9	275	Sáp nhập thành Trường MN Hương Long (Chuyển cơ sở 1 và cơ sở 3 Trường MN Hương Hồ vào Trường MN Hương Thọ)	1	17	
5	Trường MN Hương Hồ	1	3	70	13	375				
4	Trường MN Hương Thọ	1	2	40	6	190	Tiếp nhận cơ sở 1 và cơ sở 3 Trường MN Hương Hồ và đổi tên thành Trường MN Long Hồ	1	18	
	Cấp tiểu học	6	0	0	111	3438		4	111	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường TH số 1 Kim Long	1			17	471	Sáp nhập thành Trường TH Kim Long	1	36	
2	Trường TH số 2 Kim Long	1			19	626				
3	Trường TH Hương Long	1			30	1095	Phương án 1: Nhập với Trường THCS Lê Hồng Phong thành trường TH&THCS mới.	1	30	Thực hiện 01 trong 02 phương án
4	Trường TH số 1 Hương Hồ	1			15	424	Sáp nhập thành Trường TH Hương Hồ	1	29	
5	Trường TH số 2 Hương Hồ	1			14	400				
6	Trường TH Hương Thọ	1			16	422	Giữ nguyên	1	16	
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	68	2781		2	68	
1	Trường THCS Huỳnh Đình Túc	1			16	620	Sáp nhập thành Trường THCS Huỳnh Đình Túc	1	24	
2	Trường THCS Tôn Thất Bách	1			8	286				
3	Trường THCS Lê Hồng Phong	1			23	974	Phương án 2: Sáp nhập Trường THCS Lê Hồng Phong và Trường THCS Nguyễn Hoàng thành trường mới	1	44	Thực hiện 01 trong 02 phương án
4	Trường THCS Nguyễn Hoàng	1			21	901				
11	Phường Hương An	10	6	145	148	4960		4	154	
	Cấp mầm non	4	6	145	30	863		2	36	
1	Trường MN Hương An	1	2	55	9	246	Sáp nhập thành Trường MN Hương An	1	23	
2	Trường MN An Hòa	1	2	45	10	295				
3	Trường MN Hương Sơ	1	1	20	6	175	Sáp nhập thành Trường MN Hương Sơ	1	13	
4	Trường MN Hoàng Mai	1	1	25	5	147				
	Cấp tiểu học	3	0	0	70	2255		1	70	
1	Trường TH Hương An	1			15	441	Sáp nhập thành Trường TH An Hòa	1	70	
2	Trường TH Hương Sơ	1			27	875				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Trường TH An Hòa	1			28	939				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	48	1842		1	48	
1	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	1			18	720	Sáp nhập thành Trường THCS Nguyễn Văn Linh	1	48	
2	Trường THCS Nguyễn Cư Trinh	1			19	742				
3	Trường THCS Nguyễn Đăng Thịnh	1			11	380				
12	Phường Thuận An	16	10	1682	261	8484		8	271	
	Cấp mầm non	5	10	1682	59	1682		2	69	
1	Trường MN Hải Dương	1	2	265	9	265	Sáp nhập Trường MN Thuận An, Trường MN Phú Tân và Trường MN Hải Dương thành 01 trường MN mới	1	39	
2	Trường MN Phú Tân	1	1	300	10	300				
3	Trường MN Thuận An	1	2	435	15	435				
4	Trường MN Phú Thuận	1	3	350	13	350	Sáp nhập thành Trường MN Phú Hải	1	30	
5	Trường MN Phú Hải	1	2	332	12	332				
	Cấp tiểu học	6	0	0	120	3722		3	110	
1	Trường TH Phú Tân	1			30	943	Giữ nguyên	1	30	
2	Trường TH số 1 Thuận An	1			20	625	Sáp nhập thành Trường TH Thuận An	1	39	
3	Trường TH số 2 Thuận An	1			19	580				
4	Trường TH Phú Thuận 1	1			21	626	Sáp nhập thành Trường TH Phú Thuận	1	41	
5	Trường TH Phú Hải	1			20	691				
6	Trường TH Thái Dương	1			10	257	Sáp nhập vào Trường TH&THCS Hoàng Kim Hoán			
	Cấp trung học cơ sở	5	0	0	82	3080		3	92	
1	Trường TH&THCS Hoàng Kim Hoán	1			19	521	Sáp nhập với Trường TH Thái Dương	1	29	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trường THCS Phú Tân	1			16	653	Sáp nhập thành Trường THCS Thuận An	1	37	
3	Trường THCS Thuận An	1			21	881				
4	Trường THCS Phú Thuận	1			13	497	Sáp nhập thành Trường THCS Phú Thuận	1	26	
5	Trường THCS Phú Hải	1			13	528				
13	Phường Hóa Châu	15	13	290	178	5435		7	191	
	Cấp mầm non	4	13	290	38	1064		3	51	
1	Trường MN Hương Vinh	1	4	90	11	375	Giữ nguyên	1	15	
2	Trường MN Hương Phong	1	2	50	12	342	Giữ nguyên	1	14	
3	Trường MN Phú Thanh	1	4	90	8	180	Sáp nhập thành Trường MN Quảng Thành	1	22	
4	Trường MN Kim Thành	1	3	60	7	167				
	Cấp tiểu học	8	0	0	90	2474		3	90	
1	Trường TH số 1 Hương Vinh	1			10	318	Sáp nhập thành Trường TH Hương Vinh	1	30	
2	Trường TH số 2 Hương Vinh	1			10	327				
3	Trường TH số 3 Hương Vinh	1			10	322				
4	Trường TH số 1 Quảng Thành	1			17	484	Sáp nhập thành Trường TH Quảng Thành	1	27	
5	Trường TH số 2 Quảng Thành	1			10	247				
6	Trường TH Vân An	1			13	368	Sáp nhập thành Trường TH Hương Phong	1	33	
7	Trường TH Vân Quật Đông	1			10	214				
8	Trường TH Thuận Hoà 1	1			10	194				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	50	1897		1	50	
1	Trường THCS Đặng Vinh	1			19	713	Sáp nhập thành Trường THCS Hóa Châu	1	50	
2	Trường THCS Đặng Tất	1			13	517				
3	Trường THCS Nguyễn Khoa Thuyên	1			18	667				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Phường Dương Nỗ	11	10	240	161	5137		5	171	
	Cấp mầm non	4	10	240	38	1003		2	48	
1	Trường MN Phú Dương	1	4	100	15	420	Sáp nhập điểm trường Thanh Vinh của Trường MN số 1 Phú Mậu vào trường MN Phú Dương thành Trường MN Dương Nỗ 1	1	25	
2	Trường MN số 1 Phú Mậu	1	2	50	8	230				
3	Trường MN số 2 Phú Mậu	1	2	50	8	190	Sáp nhập hai trường và tiếp nhận điểm trường Mậu Tài của Trường MN số 1 Phú Mậu thành Trường MN Dương Nỗ 2	1	23	
4	Trường MN Phú Thanh	1	2	40	7	163				
	Cấp tiểu học	4	0	0	75	2296		2	75	
1	Trường TH Phú Dương	1			15	424	Sáp nhập thành Trường TH Dương Nỗ 1	1	35	
2	Trường TH Dương Nỗ	1			20	640				
3	Trường TH Phú Mậu	1			29	920	Sáp nhập thành Trường TH Dương Nỗ 2	1	40	
4	Trường TH Phú Thanh	1	0	0	11	312				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	48	1838		1	48	
1	Trường THCS Phú Dương	1			23	951	Sáp nhập Trường THCS Phú Dương, Trường THCS Phú Mậu và Trường THCS Phú Thanh thành trường THCS mới	1	48	
2	Trường THCS Phú Mậu	1			17	664				
3	Trường THCS Phú Thanh	1			8	223				
15	Phường Mỹ Thượng	13	15	377	206	6921		6	221	
	Cấp mầm non	5	15	377	50	1432		2	65	
1	Trường MN Phú Thượng	1	2	50	11	300	Sáp nhập thành Trường MN Phú Thượng	1	25	
2	Trường MN Hoa Hồng	1	4	75	8	230				
3	Trường MN Phú Mỹ 1	1	3	67	9	233	Sáp nhập thành Trường MN Mỹ Thượng	1	40	
4	Trường MN Phú Mỹ 2	1	2	55	9	254				
5	Trường MN Phú An	1	4	130	13	415				
	Cấp tiểu học	5	0	0	98	3166		3	98	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường TH Phú Thượng 1	1			34	1181	Giữ nguyên	1	34	
2	Trường TH Phú Mỹ 1	1			16	543	Sáp nhập thành Trường TH Phú Mỹ	1	31	
3	Trường TH Phú Mỹ 2	1			15	459				
4	Trường TH Phú An 1	1			20	599	Sáp nhập thành Trường TH Phú An	1	33	
5	Trường TH Phú An 2	1			13	384				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	58	2323		1	58	
1	Trường THCS Phú Thượng	1			21	825	Sáp nhập thành Trường THCS Mỹ Thượng	1	58	
2	Trường THCS Phú Mỹ	1			19	784				
3	Trường THCS Phú An	1			18	714				
16	Phường Vỹ Dạ	11	8	235	241	9178		6	249	
	Cấp mầm non	4	8	235	33	1075		2	41	
1	Trường MN Thủy Vân	1	3	80	9	253	Sáp nhập thành Trường MN Vân Dương	1	21	
2	Trường MN Xuân Phú	1	1	25	8	245				
3	Trường MN Vỹ Dạ	1	2	75	7	241	Sáp nhập thành Trường MN Vỹ Dạ	1	20	
4	Trường MN Hương Lưu	1	2	55	9	336				
	Cấp tiểu học	4	0	0	103	3489		2	103	
1	Trường TH Vỹ Dạ	1			36	1340	Sáp nhập thành Trường TH Vỹ Dạ	1	46	
2	Trường TH Phú Lưu	1			10	250				
3	Trường TH Xuân Phú	1			37	1325	Sáp nhập thành Trường TH Vân Dương	1	57	
4	Trường TH Thủy Vân	1			20	574				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	105	4614		2	105	
1	Trường THCS Phạm Văn Đồng	1			33	1492	Sáp nhập thành Trường THCS Phạm Văn Đồng	1	44	
2	Trường THCS Thủy Vân	1			11	389				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Trường THCS Chu Văn An	1			61	2733	Giữ nguyên	1	61	
17	Phường An Cựu	9	7	165	187	6777		5	194	
	Cấp mầm non	3	7	165	30	895		2	37	
1	Trường MN An Đông	1	3	75	15	450	Giữ nguyên	1	18	
2	Trường MN An Cựu	1	2	45	8	240	Sáp nhập thành Trường MN An Cựu	1	19	
3	Trường MN An Tây	1	2	45	7	205				
	Cấp tiểu học	4	0	0	96	3288		2	96	
1	Trường TH số 1 An Đông	1	0	0	33	1138	Sáp nhập Thành Trường TH số 1 An Đông	1	54	
2	Trường TH An Cựu	1	0	0	21	754				
3	Trường TH Ngự Bình	1	0	0	22	726	Sáp nhập Thành Trường TH Ngự Bình	1	42	
4	Trường TH Huyền Trân	1	0	0	20	670				
	Cấp trung học cơ sở	2	0	0	61	2594		1	61	
1	Trường THCS Đặng Văn Ngữ	1	0	0	32	1363	Sáp nhập thành Trường THCS Duy Tân	1	61	
2	Trường THCS Duy Tân	1	0	0	29	1231				
18	Phường Thủy Xuân	11	10	245	160	5550		6	170	
	Cấp mầm non	4	10	245	31	903		2	41	
1	Trường MN Thủy Xuân	1	4	100	12	360	Sáp nhập thành Trường MN Thủy Xuân	1	25	
2	Trường MN Thủy Biều	1	2	50	7	205				
3	Trường MN Hoa Sữa	1	2	50	5	145	Sáp nhập thành Trường MN Thủy Bằng	1	16	
4	Trường MN Vành Khuyên	1	2	45	7	193				
	Cấp tiểu học	4	0	0	78	2470		2	58	
1	Trường TH Thủy Xuân	1			28	950	Giữ nguyên	1	28	
2	Trường TH Thủy Biều	1			20	707	Nhập với Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi thành trường liên cấp TH&THCS			

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Trường TH Thủy Bằng	1			15	410	Sáp nhập thành Trường TH Thủy Bằng	1	30	
4	Trường TH Cư Chánh	1			15	403				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	51	2177		2	71	
1	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	1			24	1045	Sáp nhập thành Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	1	38	
2	Trường THCS Thủy Bằng	1			14	544				
3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1			13	588	Nhập với Trường TH Thủy Biểu thành Trường TH&THCS Thủy Biểu	1	33	
19	Phường Thanh Thủy	14	17	405	241	8253		7	258	
	Cấp mầm non	5	17	405	57	1592		2	74	
1	Trường MN Thủy Thanh 1	1	3	70	8	190	Sáp nhập Trường MN Thủy Thanh 1, Trường MN Thủy Thanh 2 và Trường MN Thủy Dương thành trường mầm non mới	1	45	
2	Trường MN Thủy Thanh 2	1	3	70	10	253				
3	Trường MN Thủy Dương	1	5	120	16	476				
4	Trường MN Sơn Ca	1	3	75	13	396	Sáp nhập thành Trường MN Thủy Phương	1	29	
5	Trường MN Nguyễn Viết Phong	1	3	70	10	277				
	Cấp tiểu học	6	0	0	115	3712		3	115	
1	Trường TH Vân Thê	1			10	254	Sáp nhập thành Trường TH Thủy Thanh	1	25	
2	Trường TH Thanh Toàn	1			15	532				
3	Trường TH Thủy Dương	1			25	762	Sáp nhập thành Trường TH Thủy Dương	1	41	
4	Trường TH Thanh Tân	1			16	505				
5	Trường TH Dạ Lê	1			30	1047	Sáp nhập thành Trường TH Thủy Phương	1	49	
6	Trường TH Thanh Lam	1			19	612				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	69	2949		2	69	
1	Trường THCS Thủy Thanh	1			14	600	Sáp nhập thành Trường THCS Thanh Thủy	1	38	
2	Trường THCS Thủy Dương	1			24	1003				
3	Trường THCS Thủy Phương	1			31	1346	Giữ nguyên	1	31	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
20	Phường Hương Thủy	10	8	180	161	5428		5	169	
	Cấp mầm non	4	8	180	35	995		2	43	
1	Trường MN Ánh Dương	1	2	45	9	242	Sáp nhập thành Trường MN Thủy Châu	1	20	
2	Trường MN Năng Hồng	1	2	45	7	200				
3	Trường MN Thủy Lương	1	2	50	12	375	Sáp nhập thành Trường MN Hương Thủy	1	23	
4	Trường MN Thủy Tân	1	2	40	7	178				
	Cấp tiểu học	3	0	0	60	1952		1	28	
1	Trường TH Thủy Lương	1			28	869	Giữ nguyên	1	28	
2	Trường TH số 1 Thủy Châu	1			20	699	Sáp nhập vào Trường THCS Thủy Châu			
3	Trường TH số 2 Thủy Châu	1			12	384				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	66	2481	0	2	98	
1	Trường THCS Thủy Lương	1			19	743	Sáp nhập thành Trường TH&THCS Hương Thủy	1	44	
2	Trường TH&THCS Thủy Tân	1			25	826				
3	Trường THCS Thủy Châu	1			22	912	Sáp nhập với Trường TH số 1 Thủy Châu và Trường TH số 2 Thủy Châu thành Trường TH&THCS Thủy Châu	1	54	
21	Phường Phú Bài	14	11	273	240	7648		8	251	
	Cấp mầm non	6	11	273	51	1366		3	62	
1	Trường MN Phú Sơn	1	1	16	4	69	Sáp nhập thành Trường MN Dương Hòa	1	10	
2	Trường MN Dương Hòa	1	1	22	4	85				
3	Trường MN Sao Mai	1	3	75	11	318	Sáp nhập thành Trường MN Phú Bài	1	27	
4	Trường MN Bình Minh	1	2	50	11	348				
5	Trường MN Hòa Mi	1	2	60	9	247	Sáp nhập thành Trường MN Thủy Phù	1	25	
6	Trường MN Hoa Hướng Dương	1	2	50	12	299				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cấp tiểu học	4	0	0	98	3112		2	98	
1	Trường TH số 1 Phú Bài	1			30	993	Sáp nhập thành Trường TH Phú Bài	1	55	
2	Trường TH số 2 Phú Bài	1			25	834				
3	Trường TH số 1 Thủy Phù	1			23	725	Sáp nhập thành Trường TH Phú Bài 2	1	43	
4	Trường TH số 2 Thủy Phù	1			20	560				
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	91	3170		3	91	
1	Trường THCS Phú Bài	1			38	1555	Giữ nguyên	1	38	
2	Trường THCS Thủy Phù	1			27	1057	Giữ nguyên	1	27	
3	Trường TH&THCS Phú Sơn	1			13	298	Sáp nhập thành Trường TH&THCS Dương Hòa	1	26	
4	Trường TH&THCS Dương Hòa	1			13	260				
22	Xã Đan Điền	17	24	468	186	5628		8	210	
	Cấp mầm non	6	24	468	49	1306		3	73	
1	Trường MN Sao Mai 1	1	4	90	11	294	Sáp nhập thành Trường MN Sao Mai	1	24	
2	Trường MN Sao Mai 2	1	3	67	6	178				
3	Trường MN Hoà Mi 1	1	4	80	8	232	Sáp nhập thành Trường MN Hoà Mi	1	20	
4	Trường MN Hoà Mi 2	1	2	50	6	125				
5	Trường MN Quảng Lợi	1	6	101	11	283	Sáp nhập Trường MN Quảng Lợi và Trường MN Quảng Thái thành 01 trường mầm non mới	1	29	
6	Trường MN Quảng Thái	1	5	80	7	194				
	Cấp tiểu học	7	0	0	88	2520		2	54	
1	Trường TH Số 1 Quảng Phú	1			19	585	Sáp nhập thành Trường TH Quảng Phú	1	29	
2	Trường TH Số 2 Quảng Phú	1			10	278				
3	Trường TH Số 1 Quảng Vinh	1			15	434	Sáp nhập thành Trường TH Quảng Vinh	1	25	
4	Trường TH Số 2 Quảng Vinh	1			10	243				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Trường TH Số 1 Quảng Lợi	1			9	209	Sáp nhập vào Trường THCS Nguyễn Đình Anh			
6	Trường TH Số 2 Quảng Lợi	1			12	367				
7	Trường TH Quảng Thái	1			13	404	Sáp nhập vào Trường THCS Lê Xuân			
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	49	1802		3	83	
1	Trường THCS Đặng Hữu Phở	1			16	605	Sáp nhập thành Trường THCS Nguyễn Hữu Đà	1	29	
2	Trường THCS Nguyễn Hữu Đà	1			13	475				
3	Trường THCS Nguyễn Đình Anh	1			12	426	Sáp nhập với Trường TH số 1 Quảng Lợi và số 2 Quảng Lợi thành Trường TH&THCS Nguyễn Đình Anh	1	33	
4	Trường THCS Lê Xuân	1			8	296	Sáp nhập với Trường TH Quảng Thái thành Trường TH&THCS Lê Xuân	1	21	
23	Xã Quảng Điền	17	26	559	204	6217		9	237	
	Cấp mầm non	6	26	559	50	1305		4	83	
1	Trường MN Bình Minh	1	6	125	9	236	Sáp nhập Trường MN Bình Minh và cơ sở chính Trường MN Quảng Phước thành Trường MN Bình Minh (Chuyển 02 điểm lẻ Trường MN Quảng Phước vào Trường MN Sơn Ca)	1	27	
2	Trường MN Quảng Phước	1	4	92	8	225				
3	Trường MN Sơn Ca	1	5	115	9	249	Tiếp nhận điểm lẻ Mai Phước, Hà Đồ - Phước Lập của Trường MN Quảng Phước	1	21	
4	Trường MN Đông Phú	1	3	63	8	178	Sáp nhập thành Trường MN Quảng An	1	20	
5	Trường MN Xuân Dương	1	3	68	6	145				
6	Trường MN Quảng Thọ	1	5	96	10	272	Giữ nguyên	1	15	
	Cấp tiểu học	7	0	0	97	2780		2	56	
1	Trường TH số 1 thị trấn Sịa	1			20	642	Sáp nhập thành Trường TH thị trấn Sịa	1	30	
2	Trường TH số 2 Quảng Phước	1			10	189				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Trường TH số 2 thị trấn Sịa	1			15	455	Sáp nhập thành Trường TH Quảng Phước	1	26	
4	Trường TH số 1 Quảng Phước	1			11	338				
5	Trường TH Quảng Thọ	1			17	500	Sáp nhập vào Trường THCS Trần Thúc Nhẫn			
6	Trường TH số 1 Quảng An	1			13	324	Sáp nhập vào Trường THCS Nguyễn Hữu Dật			
7	Trường TH số 2 Quảng An	1			11	332				
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	57	2132		3	98	
1	Trường THCS Nguyễn Hữu Dật	1			12	479	Sáp nhập với Trường TH số 1 Quảng An, Trường TH Số 02 Quảng An thành Trường TH&THCS Nguyễn Hữu Dật	1	36	
2	Trường THCS Trần Thúc Nhẫn	1			11	376	Sáp nhập với Trường TH Quảng Thọ thành Trường TH&THCS Trần Thúc Nhẫn	1	28	
3	Trường THCS Đặng Dung	1			24	929	Sáp nhập thành Trường THCS Đặng Dung	1	34	
4	Trường THCS Ngõ Thề Lân	1			10	348				
24	Xã Bình Điền	10	11	218	101	3084		5	112	
	Cấp mầm non	4	11	218	25	612		2	36	
1	Trường MN Bình Thành	1	3	70	7	200	Sáp nhập thành Trường MN Kim Phụng	1	19	
3	Trường MN Hương Bình	1	2	45	7	152				
2	Trường MN Bình Điền	1	4	78	7	191	Sáp nhập thành Trường MN Hồng Điền	1	17	
4	Trường MN Hồng Tiến	1	2	25	4	69				
	Cấp tiểu học	3	0	0	36	1045		0	0	
1	Trường TH Bình Thành	1			14	416	Sáp nhập vào Trường THCS Lê Thuyết			
2	Trường TH Bình Điền	1			15	483	Sáp nhập vào Trường THCS Trần Đăng Khoa			
3	Trường TH Hồng Tiến	1			7	146				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	40	1427		3	76	
1	Trường THCS Trần Đăng Khoa	1			13	535	Sáp nhập Trường Tiểu học Bình Điền và Tiểu học Hồng Tiến vào thành trường TH&THCS	1	35	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trường THCS Lê Thuyết	1			9	304	Sáp nhập trường Tiểu học Bình Thành vào thành trường TH&THCS	1	23	
3	Trường TH&THCS Lê Quang Bính	1			18	588	Giữ nguyên	1	18	
25	Xã Phú Vinh	14	14	337	201	6771		6	215	
	Cấp mầm non	4	14	337	38	1176		2	52	
1	Trường MN Vinh An	1	3	62	6	161	Sáp nhập thành Trường MN Phú Vinh 1	1	28	
2	Trường MN Vinh Thanh	1	5	127	14	466				
3	Trường MN Vinh Xuân	1	2	48	7	197	Sáp nhập thành Trường MN Phú Vinh 2	1	24	
4	Trường MN Phú Diên	1	4	100	11	352				
	Cấp tiểu học	6	0	0	101	3304		2	101	
1	Trường TH Vinh An	1			20	602	Sáp nhập thành Trường TH Phú Vinh 1	1	60	
2	Trường TH Số 1 Vinh Thanh	1			20	721				
3	Trường TH Số 2 Vinh Thanh	1			20	690				
4	Trường TH Vinh Xuân	1			16	493	Sáp nhập thành Trường TH Phú Vinh 2	1	41	
5	Trường TH Phú Diên 1	1			15	464				
6	Trường TH Phú Diên 2	1			10	334				
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	62	2291		2	62	
1	Trường THCS An Bằng - Vinh An	1			12	402	Sáp nhập thành Trường THCS Phú Vinh 1	1	37	
2	Trường THCS Vinh Thanh	1			25	959				
3	Trường THCS Vinh Xuân	1			10	396	Sáp nhập thành Trường THCS Phú Vinh 2	1	25	
4	Trường THCS Phú Diên	1			15	534				
26	Xã Phú Hồ	11	7	226	123	3933		5	130	
	Cấp mầm non	3	7	226	30	846		2	37	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường MN Phú Xuân	1	3	90	13	373	Giữ nguyên	1	16	
2	Trường MN Phú Lương	1	2	75	10	267	Sáp nhập và thành Trường MN Phú Hồ	1	21	
3	Trường MN Phú Hồ	1	2	61	7	206				
	Cấp tiểu học	5	0	0	59	1744		2	59	
1	Trường TH Phú Xuân 1	1			15	472	Sáp nhập thành Trường TH Phú Xuân	1	25	
2	Trường TH Phú Xuân 2	1			10	345				
3	Trường TH Phú Lương 1	1			10	275	Sáp nhập thành Trường TH Phú Lương	1	34	
4	Trường TH Phú Lương 2	1			10	252				
5	Trường TH Phú Hồ	1			14	400				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	34	1343		1	34	
1	Trường THCS Phú Xuân	1			16	687	Sáp nhập và thành lập Trường THCS Phú Hồ	1	34	
2	Trường THCS Phú Lương	1			10	363				
3	Trường THCS Phú Hồ	1			8	293				
27	Xã Phú Vang	15	14	378	199	6733		8	213	
	Cấp mầm non	5	14	378	45	1475		3	59	
1	Trường MN Phú Đa 1	1	3	82	9	305	Sáp nhập thành Trường MN Phú Đa	1	26	
2	Trường MN Phú Đa 2	1	3	90	11	418				
3	Trường MN Vinh Phú	1	3	65	7	197	Sáp nhập thành Trường MN Phú Gia	1	19	
4	Trường MN Vinh Thái	1	2	56	7	217				
5	Trường MN Vinh Hà	1	3	85	11	338	Giữ nguyên	1	14	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cấp tiểu học	7	0	0	98	2996		3	98	
1	Trường TH Phú Đa 1	1			18	600	Sáp nhập thành Trường TH Phú Đa	1	45	
2	Trường TH Phú Đa 2	1			15	465				
3	Trường TH Phú Đa 3	1			12	379				
4	Trường TH Vinh Phú	1			14	417	Sáp nhập thành Trường TH Phú Gia	1	28	
5	Trường TH Vinh Thái	1			14	403				
6	Trường TH Vinh Hà	1			10	289	Sáp nhập thành Trường TH Vinh Hà	1	25	
7	Trường TH Hà Trung	1			15	443				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	56	2262		2	56	
1	Trường THCS Phú Đa	1			24	1022	Giữ nguyên	1	24	
2	Trường THCS Vinh Phú	1			16	641	Sáp nhập thành Trường THCS Phú Vang	1	32	
3	Trường THCS Vinh Hà	1			16	599				
28	Xã Vinh Lộc	11	10	253	158	5207		6	168	
	Cấp mầm non	4	10	253	35	1049		2	45	
1	Trường MN Hương Mai	1	3	75	9	271	Sáp nhập thành Trường MN Hoa Mai	1	19	
2	Trường MN Vinh Mỹ	1	1	28	6	180				
3	Trường MN Vinh Hải	1	2	50	9	268	Sáp nhập thành Trường MN Hoa Hồng	1	26	
4	Trường MN Vinh Hiền	1	4	100	11	330				
	Cấp tiểu học	3	0	0	64	2036		2	74	
1	Trường TH Vinh Giang	1			15	435				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trường TH Vinh Hiền	1			24	766	Sáp nhập thành Trường TH Hiền Hải	1	39	
3	Trường TH Vinh Hưng	1			25	835	Tiếp nhận khối tiểu học của Trường TH&THCS Lâm Mộng Quang và đổi tên thành Trường TH Hưng Mỹ	1	35	
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	59	2122		2	49	
1	Trường THCS Vinh Giang	1			8	332	Sáp nhập thành Trường THCS Vinh Hiền	1	24	
2	Trường THCS Vinh Hiền	1			16	575				
3	Trường THCS Vinh Hưng	1			17	625	Tiếp nhận khối THCS của Trường TH&THCS Lâm Mộng Quang và đổi tên thành Trường THCS Lâm Mộng Quang	1	25	
4	Trường TH&THCS Lâm Mộng Quang	1	0	0	18	590	Giải thể sau khi chuyển cấp TH và THCS vào các đơn vị mới			
	- Cấp TH				10	301	Chuyển vào Trường TH Vinh Hưng			
	- Cấp THCS				8	289	Chuyển vào Trường THCS Vinh Hưng			
29	Xã Hưng Lộc	10	9	175	186	6039		6	195	
	Cấp mầm non	4	9	175	39	1035		3	48	
1	Trường MN Hưng Lộc	1	2	40	9	270	Sáp nhập Trường MN Hưng Lộc, Trường MN Hưng Thuận thành Trường MN Hưng Lộc (chuyển điểm trường thôn Hòa Lộc Trường MN Hưng Thuận sang Trường MN Xuân Lộc)	1	23	
2	Trường MN Hưng Thuận	1	3	40	9	227				
3	Trường MN Lộc Sơn	1	2	55	12	355	Giữ nguyên Trường MN Lộc Sơn	1	14	
4	Trường MN Xuân Lộc	1	2	40	9	183	Tiếp nhận thêm 01 điểm trường Hòa Lộc của Trường MN Hưng Thuận và đổi tên thành Trường MN Hưng Xuân	1	11	
	Cấp tiểu học	3	0	0	75	2438		1	55	
1	Trường TH An Nong 1	1			29	903	Thành lập Trường TH Hưng Lộc, trên cơ sở sắp xếp Trường TH An Nong 1, Trường TH An Nong 2 và cơ sở ở thôn La Sơn của Trường TH Lộc Sơn (chuyển điểm trường thôn Hòa Lộc của Trường TH An Nong 1 sang trường TH&THCS Xuân Lộc)	1	55	
2	Trường TH An Nong 2	1			20	657				
3	Trường TH Lộc Sơn	1			26	878				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	72	2566		2	92	
1	Trường THCS Lộc Bồn	1			32	1272	Sáp nhập thành Trường THCS Hưng Lộc (Chuyển 04 lớp ở thôn Hòa Lộc sang Trường TH&THCS Hưng Lộc sau sắp xếp)	1	45	
2	Trường THCS Lộc Sơn	1			17	668				
3	Trường TH&THCS Xuân Lộc	1			23	626	Tiếp nhận thêm 01 điểm Trường TH An Nông 1 với 5 lớp và 01 điểm trường THCS Lộc Bồn ở thôn Hoà Lộc 04 lớp; xóa điểm trường ở thôn Xuân Mỹ và đổi tên thành Trường TH&THCS Hưng Lộc	1	47	
	- Cấp TH				15	368				
	- Cấp THCS				8	258				
30	Xã Lộc An	13	8	183	189	6230		6	197	
	Cấp mầm non	5	8	183	39	1092		2	47	
1	Trường MN Tiến Lực	1	2	50	8	260	Sáp nhập 03 trường thành trường mầm non mới	1	25	
2	Trường MN Đại Thành	1	2	48	7	236				
3	Trường MN Lộc Hòa	1	1	21	5	109				
4	Trường MN Hoa Hồng	1	2	43	11	282	Sáp nhập 02 trường thành trường mầm non mới	1	22	
5	Trường MN Hoa Mai	1	1	21	8	205				
	Cấp tiểu học	5	0	0	84	2650		2	84	
1	Trường TH Đại Thành	1	0	0	18	533	Sáp nhập thành trường TH mới	1	38	
2	Trường TH Trần Tiến Lực	1	0	0	20	648				
3	Trường TH Trung Chánh	1	0	0	10	310	Sáp nhập Trường TH Trung Chánh, Trường TH Phú Thạch và Trường TH An Lương Đông thành trường tiểu học mới (không tiếp nhận cấp TH của Trường TH&THCS Lộc Hòa)	1	46	
4	Trường TH Phú Thạch	1	0	0	8	181				
5	Trường TH An Lương Đông	1	0	0	28	978				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	66	2488		2	66	
1	Trường THCS Lộc An	1	0	0	25	1028				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trường THCS Lộc Điền	1	0	0	25	1028	Sáp nhập Trường THCS Lộc An và Trường THCS Lộc Điền (không tiếp nhận cấp THCS của Trường TH&THCS Lộc Hòa)	1	50	
3	Trường TH&THCS Lộc Hòa	1	0	0	16	432	Giữ nguyên	1	16	
31	Xã Phú Lộc	11	9	200	137	4422		6	146	
	Cấp mầm non	4	9	200	30	870		2	39	
1	Trường MN Lộc Bình	1	2	35	5	135	Sáp nhập thành Trường MN Hoa Anh Đào	1	17	
2	Trường MN Hoa Anh Đào	1	3	70	7	250				
3	Trường MN Sao Mai	1	2	45	10	250	Sáp nhập thành Trường MN Sao Mai	1	22	
4	Trường MN Bắc Hà	1	2	50	8	235				
	Cấp tiểu học	4	0	0	60	1829		2	60	
1	Trường TH Thị Trấn 1	1	0	0	18	570	Sáp nhập thành Trường TH Phú Lộc 1	1	29	
2	Trường TH thị trấn Phú Lộc	1	0	0	11	332				
3	Trường TH Số 1 Lộc Trì	1	0	0	21	682	Sáp nhập thành Trường TH Phú Lộc 2	1	31	
4	Trường TH Số 2 Lộc Trì	1	0	0	10	245				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	47	1723		2	47	
1	Trường THCS Lộc Trì	1	0	0	15	583	Sáp nhập thành Trường THCS Phú Lộc	1	35	
2	Trường THCS thị trấn Phú Lộc	1	0	0	20	800				
3	Trường TH&THCS Lộc Bình	1	0	0	12	340	Giữ nguyên	1	12	
32	Xã Chân Mây - Lăng Cô	13	10	229	243	8050		8	253	
	Cấp mầm non	4	10	229	39	1205		2	49	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường MN Lộc Thủy	1	3	48	7	182	Sáp nhập thành trường MN mới	1	25	
2	Trường MN Lộc Vĩnh	1	2	50	13	431				
3	Trường MN Lộc Tiến	1	2	76	9	342	Sáp nhập thành trường MN mới	1	24	
4	Trường MN Lăng Cô	1	3	55	10	250				
	Cấp tiểu học	5	0	0	129	3895		3	97	
1	Trường TH Lăng Cô	1			37	1121	Giữ nguyên	1	37	
2	Trường TH Bình An	1			31	1016	Giữ nguyên	1	31	
3	Trường TH Lộc Tiến	1			32	840	Sáp nhập với Trường THCS Lộc Tiến thành Trường TH&THCS mới			
4	Trường TH Nước Ngọt 1	1			15	507	Sáp nhập thành trường TH mới	1	29	
5	Trường TH Nước Ngọt 2	1			14	411				
	Cấp trung học cơ sở	4	0	0	75	2950		3	107	
1	Trường THCS Lăng Cô	1			20	780	Giữ nguyên	1	20	
2	Trường THCS Lộc Tiến	1			17	694	Sáp nhập với Trường TH Lộc Tiến thành Trường TH&THCS mới	1	49	
3	Trường THCS Lộc Thủy	1			19	774	Sáp nhập thành lập trường THCS mới	1	38	
4	Trường THCS Lộc Vĩnh	1			19	702				
33	Xã Long Quảng	7	8	185	68	1859		3	76	
	Cấp mầm non	3	8	185	19	509		1	27	
1	Trường MN Thượng Quảng	1	2	40	5	123	Sáp nhập 3 trường thành 1 trường MN mới	1	27	
2	Trường MN Thượng Long	1	3	70	7	183				
3	Trường MN Hương Hữu	1	3	75	7	203				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cấp tiểu học	3	0	0	36	912		1	36	
1	Trường TH Thượng Quảng	1			10	236	Sáp nhập 3 trường thành trường TH mới	1	36	
2	Trường TH Thượng Long	1			12	312				
3	Trường TH Hương Hữu	1			14	364				
	Cấp trung học cơ sở	1	0	0	13	438		1	13	
1	Trường THCS bán trú Long Quảng	1			13	438	Giữ nguyên	1	13	
34	Xã Nam Đông	9	8	157	68	1973		4	76	
	Cấp mầm non	4	8	157	17	406		2	25	
1	Trường MN Hương Giang	1	2	25	3	78	Sáp nhập thành Trường MN Tường Vi	1	13	
2	Trường MN Thượng Nhật	1	2	47	6	136				
3	Trường MN Hương Hòa	1	2	45	5	130	Sáp nhập thành Trường MN Hoa Lan	1	12	
4	Trường MN Hương Sơn	1	2	40	3	62				
	Cấp tiểu học	3	0	0	21	577		1	32	
1	Trường TH Hương Sơn	1	0	0	6	152	Sáp nhập Trường TH Hương Sơn, Trường TH Hương Hòa, Trường TH Hương Giang và tiếp nhận cấp tiểu học của Trường TH&THCS Kim Đồng thành trường tiểu học mới	1	32	
2	Trường TH Hương Hòa	1	0	0	10	260				
3	Trường TH Hương Giang	1	0	0	5	165				
	Cấp trung học cơ sở	2	0	0	30	990		1	19	
1	Trường THCS Hương Hòa	1	0	0	5	165	Tiếp nhận khối THCS của Trường TH&THCS Kim Đồng thành Trường THCS Nam Đông	1	19	
2	Trường TH&THCS Kim Đồng	1	0	0	25	825	Giải thể sau khi chuyển khối TH cho Trường TH mới sau sắp xếp và khối THCS cho trường THCS Hương Hòa			

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Cấp TH		0	0	11	304	Chuyển vào Trường TH mới sau khi sáp nhập 03 trường tiểu học			
	- Cấp THCS		0	0	14	521	Chuyển vào Trường THCS Hương Hòa			
35	Xã Khe Tre	11	10	180	90	2582		6	100	
	Cấp mầm non	4	10	180	18	455		2	28	
1	Trường MN Hương Lộc	1	2	36	3	74	Sáp nhập thành Trường MN Hoa Hướng Dương	1	13	
2	Trường MN Hương Phú	1	3	54	5	128				
3	Trường MN Hoa Đỗ Quyên	1	3	55	7	165	Sáp nhập thành Trường MN Hoa Đỗ Quyên	1	15	
4	Trường MN Thượng Lộ	1	2	35	3	88				
	Cấp tiểu học	4	0	0	36	951		2	41	
1	Trường TH Hương Phú	1	0	0	7	168	Tiếp nhận khối TH Trường TH&THCS Nam Phú và đổi tên thành Trường TH Lý Tự Trọng	1	12	
2	Trường TH Thượng Lộ	1	0	0	6	155	Sáp nhập thành Trường TH Trần Quốc Toàn	1	29	
3	Trường TH Hương Lộc	1	0	0	8	192				
4	Trường TH thị trấn Khe Tre	1	0	0	15	436				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	36	1176		2	31	
1	Trường THCS- DTNT Nam Đông	1	0	0	8	212	Không thực hiện sắp xếp	1	8	
2	Trường THCS thị trấn Khe Tre	1	0	0	19	749	Tiếp nhận khối THCS của Trường TH&THCS Nam Phú và đổi tên thành Trường THCS Lương Thế Vinh	1	23	
3	Trường TH&THCS Nam Phú	1	0	0	9	215	Giải thể đơn vị sau khi chuyển các cấp TH và THCS vào đơn vị mới			
	- Cấp TH		0	0	5	128	Chuyển khối TH vào Trường TH Lý Tự Trọng sau sắp xếp			
	- Cấp THCS		0	0	4	87	Chuyển khối THCS vào Trường THCS thị trấn Khe Tre			
36	Xã A Lưới 1	10	12	263	100	2345		6	117	
	Cấp mầm non	5	12	263	33	785		3	45	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường MN Sơn Ca	1	2	52	6	163	Sáp nhập thành Trường MN Sơn Ca	1	14	
2	Trường MN Bắc Sơn	1	2	44	4	109				
3	Trường MN Hồng Trung	1	2	42	6	140	Sáp nhập thành Trường MN Hồng Vân	1	21	
4	Trường MN Hồng Vân	1	3	70	10	225				
5	Trường MN Hồng Thủy	1	3	55	7	148	Giữ nguyên	1	10	
	Cấp tiểu học	4	0	0	48	1123		2	24	
1	Trường TH Hồng Kim	1			10	247	Giữ nguyên	1	10	
2	Trường TH Bắc Sơn	1			8	180	Hợp nhất với cấp THCS Trường TH&THCS Hồng Thủy để thành Trường PTNT liên cấp xã biên giới			
3	Trường TH Hồng Trung	1			10	219				
4	Trường TH Hồng Vân	1			20	477				
	Cấp trung học cơ sở	1	0	0	19	437		1	48	
1	Trường TH&THCS Hồng Thủy	1	0	0	19	437			86	
	- Cấp THCS				5	156	Sáp nhập khối THCS vào Trường PTNT liên cấp xã biên giới	1	48	
	- Cấp TH				14	281	Hình thành Trường TH Hồng Thủy sau khi tách khối THCS vào trường PTNT liên cấp xã biên giới	1	14	
37	Xã A Lưới 2	13	12	296	163	4919		6	175	
	Cấp mầm non	5	12	296	41	998		2	53	
1	Trường MN A Ngo	1	3	70	9	213	Sáp nhập Trường MN A Ngo và Trường MN Hoa Ta Vai thành trường mầm non mới	1	29	
2	Trường MN Hoa Ta Vai	1	3	75	14	322				
3	Trường MN Hoa Phong Lan	1	2	45	6	157				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Trường MN Hồng Bắc	1	2	56	6	142	Sáp nhập thành Trường MN Hoa Phong Lan	1	24	
5	Trường MN Nhâm	1	2	50	6	164				
	Cấp tiểu học	5	0	0	73	2047		2	73	
1	Trường TH A Ngo	1			14	396	Sáp nhập Trường TH A Ngo và Trường TH Kim Đồng thành trường tiểu học mới	1	42	
2	Trường TH Kim Đồng	1			28	875				
3	Trường TH Hồng Bắc	1			11	273	Sáp nhập thành Trường TH Bắc Quảng Nhâm	1	31	
4	Trường TH Hồng Quảng	1			10	288				
5	Trường TH Nhâm	1			10	215				
	Cấp trung học cơ sở	3	0	0	49	1874		2	49	
1	Trường THCS - DTNT A Lưới	1			16	639	Không thực hiện sắp xếp	1	16	
2	Trường THCS Lê Lợi	1			23	935	Sáp nhập thành Trường THCS Lê Lợi	1	33	
3	Trường THCS Quang Trung	1			10	300				
38	Xã A Lưới 3	9	12	203	72	1857		4	75	
	Cấp mầm non	4	12	203	19	424		2	27	
1	Trường MN Phú Vinh	1	2	35	3	56	Sáp nhập thành trường MN mới	1	12	
2	Trường MN Hồng Thượng	1	4	63	7	148				
3	Trường MN Hồng Thái	1	3	45	3	90	Sáp nhập thành trường MN mới	1	15	
4	Trường MN Hoa Đào	1	3	60	6	130				
	Cấp tiểu học	4	0	0	37	890		1	17	
1	Trường TH Sơn Thủy	1			11	330				

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trường TH Hồng Thái	1			6	152	Sáp nhập thành trường TH mới	1	17	
3	Trường TH Phú Vinh	1			5	95	Hợp nhất Trường TH Phú Vinh, Trường TH Hồng Thượng và Trường THCS Trần Hưng Đạo thành Trường PTNT TH&THCS A Lưới 3			
4	Trường TH Hồng Thượng	1			15	313				
	Cấp trung học cơ sở	1	0	0	16	543		1	31	
1	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1			16	543	Hợp nhất với 3 Trường TH thành Trường PTNT TH&THCS A Lưới 3			
39	Xã A Lưới 4	8	9	206	67	1903		4	87	
	Cấp mầm non	4	9	206	23	603		2	32	
1	Trường MN A Đốt	1	3	60	5	145	Sáp nhập thành Trường MN Ban Mai	1	18	
2	Trường MN A Roàng	1	2	52	8	217				
3	Trường MN Hương Lâm	1	2	54	6	137	Sáp nhập thành Trường MN Bình Minh	1	14	
4	Trường MN Đông Sơn	1	2	40	4	104				
	Cấp tiểu học	3	0	0	22	746		1	15	
1	Trường TH A Đốt	1	0	0	22	746	Hợp nhất 03 trường tiểu học và tiếp nhận cấp THCS của Trường TH&THCS A Roàng để thành lập Trường PTNT tiểu học và THCS A Lưới 4			
2	Trường TH Hương Lâm	1								
3	Trường TH Đông Sơn	1								
	Cấp trung học cơ sở	1	0	0	22	554		1	40	
1	Trường TH&THCS A Roàng		0	0	22	554				
	- Cấp THCS		0	0	7	198	Sáp nhập với Trường TH A Đốt, Trường TH Hương Lâm, Trường TH Đông Sơn để hình thành Trường PTNT TH&THCS A Lưới 4			
	- Cấp TH		0	0	15	356	Hình thành Trường TH A Roàng sau khi chuyển khối THCS vào Trường liên cấp xã biên giới	1	15	
40	Xã A Lưới 5	4	2	79	34	920		3	36	

Tt	Xã, phường		Quy mô số lớp, số học sinh năm học 2026-2027				Phương án sắp xếp			Ghi chú
	Tên trường	Số lượng	Số nhóm	Số cháu	Số lớp	Số học sinh	Trường mới sau sắp xếp	Số trường sau sắp xếp	Quy mô số lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cấp mầm non	2	2	79	11	242		1	13	
1	Trường MN Hồng Hạ	1	1	39	6	138	Sáp nhập thành Trường MN A Lưới 5	1	13	
2	Trường MN Hương Nguyên	1	1	40	5	104				
	Cấp trung học cơ sở	2	0	0	23	678		2	23	
1	Trường TH&THCS Hồng Hạ	1			13	387	Giữ nguyên	1	13	
	- Cấp TH				9					
	- Cấp THCS				4					
2	Trường TH&THCS Hương Nguyên	1			10	291	Giữ nguyên	1	10	
	- Cấp TH				6					
	- Cấp THCS				4					

Danh sách này có 40 xã, phường./.